

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP BUỒN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 74/2021/HS-ST
Ngày 05/03/2021

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP BUỒN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Hưng.

2/Bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Lê Viết Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2021/TLST-HS, ngày 05 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 356/2020/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2021 đối với:

*** Bị cáo:** Trần Ph; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1992; Tại Đắk Lắk; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Buôn K, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hoá: 7/12; Con ông Trần T, sinh năm 1967. Hiện trú tại: Buôn K, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Con bà Trần Thị Bé (đã chết). Gia đình bị cáo có 03 anh em ruột, bị cáo là con thứ nhất; Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm từ ngày 26/12/2020 đến nay (có mặt)

*** Người bị hại:** Chị Ngô Thị Thúy H, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Số 00 Ng, thị trấn Qu, huyện C, tỉnh Đắk Lắk(vắng mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ông Ngô Minh S, sinh năm 1973. (vắng mặt)

2/ Bà Hồ Thị D, sinh năm 1977. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 00 Phạm Văn Đ, phường Tân H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

3/ Trần T, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Buôn K, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

4/ Anh Đinh Phạm Tiến Tr, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Khối 00, phường Tân H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

5/ Anh Huỳnh Văn H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tổ dân phố 00, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau

Tháng 7/2018, Trần Ph thỏa thuận với anh Đinh Phạm Tiến Tr (là bạn Ph), mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu S đỏ, biển số 47R4-1915 để thế chấp tại tiệm cầm đồ S D, địa chỉ: 00 Ph, phường Tân H, thành phố B, lấy số tiền là 8.000.000 đồng. Sau đó, chị Lê Thị Nhung (là vợ anh Tr) yêu cầu anh Tr mang xe mô tô về để đi lại thì anh Tr nói Ph chuộc xe trả lại. Ph không có tiền nên đã nảy sinh ý định lừa chị Ngô Thị Thúy H (là bạn của Ph) lấy xe mô tô biển số 47R4-1915, mang đi cầm cố lấy tiền chuộc xe mô tô biển số 47R4-1915 trả lại cho anh Tr. Đến khoảng 07 giờ 30 phút ngày 17/7/2018 Ph đi đến Công ty TNHH T (là nơi chị H làm việc), địa chỉ: Hẻm 00 H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, hỏi mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu S đỏ, biển số 47H1- 394.79, kèm theo giấy đăng ký mô tô, xe máy do chị H đứng tên chủ sở hữu để đi công việc một lúc rồi trả. Do tin tưởng nên chị H đã giao xe mô tô biển số 4H1-164.79 và giấy tờ xe cho Ph. Sau đó, Ph nói dối chị H là xe mô tô bị Cảnh sát giao thông tạm giữ nên chưa trả được xe như thỏa thuận. Đến ngày 25/7/2018, Ph điều khiển xe mô tô biển số 47H1- 394.79, chở anh Tr đến tiệm cầm đồ S D, cầm cố xe mô tô, kèm theo giấy đăng ký xe mô tô mang tên chị Ngô Thị Thúy H và chứng minh nhân dân mang tên Trần Ph cho bà Hồ Thị D (vợ ông Ngô Minh S) lấy số tiền 18.000.000 đồng. Ph lấy số tiền 8.400.000 đồng chuộc xe mô tô biển số 47R4-1915 ra trả lại cho anh Tr, số tiền còn lại 9.600.000 đồng Ph sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Đến đầu tháng 10/2018, hết hạn cầm cố mà không thấy Ph quay lại chuộc xe nên ông S và bà D đã bán xe mô tô biển số 47H1-394.79, cho ông Huỳnh Văn H (sinh năm:1982, trú tại: Tổ dân phố 00, phường T, thành phố B) lấy số tiền 23.500.000 đồng. Sau khi bị chiếm đoạt xe mô tô biển số 47H1-394.79, chị H làm đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, để xử lý theo quy định của pháp luật. Sau khi được Cơ quan điều tra triệu tập làm việc và biết việc Ph cầm cố xe mô tô biển số 47H1- 394.79 không đúng quy định pháp luật nên ông S và bà D thỏa thuận chuộc lại xe mô tô trên từ ông H, rồi tự nguyện giao nộp xe mô tô biển số 47H1- 394.79 cùng giấy tờ liên quan đến việc cầm cố xe mô tô cho Cơ quan điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, để phục vụ công tác điều tra.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 74, ngày 19/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột, kết luận: Xe mô tô biển số 47H1- 394.79, nhãn hiệu: Hon da, số loại: Vision, màu S: Đỏ, số khung:

RLHJF581XGY033998, số máy JF66E003963, trị giá tài sản là: 25.900.000 đồng. Quá trình điều tra xác định chị Ngô Thị Thúy H là chủ sở hữu chiếc xe nói trên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, đã trả lại xe mô tô biển số 47H1- 394.79 cho chị Ngô Thị Thúy H, là chủ sở hữu nhận quản lý sử dụng. Chị H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm

- Ông Trần T (là cha bị cáo Trần Ph), bồi thường số tiền cho ông Ngô Minh S và bà Hồ Thị D, số tiền cầm cố xe mô tô biển số 47H1- 394.79 là 18.000.000 đồng

Cáo trạng số: 77/KSĐT - HS ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Trần Ph về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 174 của BLHS.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, không phát sinh tình tiết mới làm thay đổi bản chất của vụ án.

Đại diện VKSND thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Ph về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 điều 174 BLHS; điểm b, h i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình Sự. Đề nghị xử phạt: Trần Ph từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

+ Các biện pháp tư pháp:

Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

*** Về xử lý vật chứng:**

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, trả lại: Xe mô tô biển số 47H1- 394.79, nhãn hiệu: Honda, hiệu Vision, màu S: Đỏ, cho chị Ngô Thị Thúy H, là chủ sở hữu nhận quản lý sử dụng.

- Trả lại 01 Giấy chứng minh nhân dân số 241376632 mang tên Trần Ph, không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

Ghi nhận ông Trần T (là cha bị cáo Trần Ph), bồi thường số tiền cho ông Ngô Minh S và bà Hồ Thị D, số tiền 18.000.000 đồng (là số tiền cầm cố xe mô tô biển số 47H1- 394.79). Ông Trần T không yêu cầu bị cáo phải hoàn lại số tiền trên cho ông T nên không đề cập giải quyết

Sau khi nhận xe chị Ngô Thị Thúy H không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không đề cập giải quyết.

Đối với anh Đình Phạm Tiến Tr là người được Trần Ph điều khiển xe mô tô biển số 47H1- 394.79, chở Tr đến tiệm cầm đồ S D để cầm cố xe mô tô. Quá trình điều tra xác định: Anh Tr không biết xe mô tô biển số 47H1- 394.79 Trần Ph mang đi cầm

cổ là do phạm tội mà có. Trước đó anh Tr không bàn bạc thỏa thuận với Ph về việc chiếm đoạt xe mô tô của chị Ngô Thị Thúy H và anh Tr không hưởng lợi từ số tiền Ph cầm cố xe mô tô. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, không xử lý hình sự đối với anh Tr, là có căn cứ đúng pháp luật.

Đối với ông Ngô Minh S và bà Hồ Thị D nhận cầm cố xe mô tô biển số 47H1- 394.79 nhưng ông S, bà D không biết đây là tài sản do Trần Ph phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý hình sự. Hành vi cầm cố xe mô tô của ông Ngô Minh S có dấu hiệu vi phạm hành chính quy định tại khoản 2, Điều 11 nghị định 167/2013/NĐ- CP ngày 12 tháng 11 năm 2013, nhưng đến nay đã hết thời hiệu xử lý vi phạm hành chính nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý, là phù hợp.

Đối với ông Huỳnh Văn H là người mua xe mô tô biển số 47H1- 394.79 nhưng ông H không biết xe mô tô là do Trần Ph phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý, là phù hợp.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không tranh luận gì. Bị cáo, người bị hại xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo được H nhập cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố thì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Trần Ph thừa nhận hành vi của mình như nội dung bản cáo trạng. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai bị cáo tại cơ quan điều tra phù hợp lời khai của các bị hại của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và hoàn toàn phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 17/7/2018 tại Công ty TNHH T, địa chỉ: Hẻm 00 H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk lợi dụng lòng tin của chị H, Trần Ph lừa đảo chiếm đoạt của chị Ngô Thị Thúy H, xe mô tô biển số 47H1- 394.79, hiệu Vision, màu S đỏ, trị giá tài sản là: 25.900.000 đồng.

Do đó, có đủ cơ sở pháp lý kết luận hành vi của bị cáo Trần Ph đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 BLHS

Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo nhận thức được rằng tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi của bất kỳ người nào xâm hại đều bị pháp luật trừng trị. Song xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài nhanh chóng nhưng không phải đổ mồ hôi công sức lao động, lợi dụng sự tin tưởng của chị H bị cáo đã giả vờ hỏi mượn xe tô biển số 47H1- 394.79, hiệu Vision để sử dụng. Tuy nhiên, sau khi được chị H tin tưởng giao xe cho mình bị cáo đã đưa xe tô biển số 47H1-394.79 của chị H đến tiệm cầm đồ S D ở số 00 Ph cầm cố lấy số tiền 18.000.000đ tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Ngoài xâm hại trực tiếp đến quyền quản lý, sử dụng tài sản của chị Ngô Thị Thúy H nói riêng còn làm ảnh hưởng đến đến trật tự trị an trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột. Do vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do lỗi cố ý gây ra.

Xét về nhân thân của bị cáo, HĐXX thấy rằng: Bị cáo Trần Ph là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại. Sau khi phạm tội đã vận động gia đình trả lại số tiền 18.000.000đ cho ông S bà D. Mặt khác bị cáo đã có 1 thời gian phục vụ trong quân đội. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần xem xét khi quyết định hình phạt nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

Với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và cần bị cáo phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

Đối với anh Đình Phạm Tiến Tr là người được Trần Ph điều khiển xe mô tô biển số 47H1- 394.79, chở Tr đến tiệm cầm đồ S D để cầm cố xe mô tô. Quá trình điều tra xác định: Anh Tr không biết xe mô tô biển số 47H1- 394.79 Trần Ph mang đi cầm cố là do phạm tội mà có. Trước đó anh Tr không bàn bạc thỏa thuận với Ph về việc chiếm đoạt xe mô tô của chị Ngô Thị Thúy H và anh Tr không hưởng lợi từ số tiền Ph cầm cố xe mô tô. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, không xử lý hình sự đối với anh Tr, là có căn cứ đúng pháp luật.

Đối với ông Ngô Minh S và bà Hồ Thị D nhận cầm cố xe mô tô biển số 47H1- 394.79 nhưng ông S, bà D không biết đây là tài sản do Trần Ph phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý hình sự. Hành vi cầm cố xe mô tô của ông Ngô Minh S có dấu hiệu vi phạm hành chính quy định tại khoản 2, Điều 11 nghị định 167/2013/NĐ- CP ngày 12 tháng 11 năm 2013, nhưng đến nay đã

hết thời hiệu xử lý vi phạm hành chính nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý, là phù hợp.

Đối với ông Huỳnh Văn H là người mua xe mô tô biển số 47H1- 394.79 nhưng ông H không biết xe mô tô là do Trần Ph phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý, là phù hợp.

[4] Các biện pháp tư pháp:

[4.1] Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra người bị hại chị Ngô Thị Thúy H đã nhận lại xe mô tô biển số 47H1- 394.79 và không yêu cầu bị cáo Trần Ph, phải bồi thường gì thêm nên không đề cập giải quyết.

Ghi nhận ông Trần T là cha bị cáo Trần Ph đã tự nguyện hoàn trả cho ông Ngô Minh S và bà Hồ Thị D, số tiền 18.000.000đ (mười tám triệu đồng) do ông S bà D cầm cố xe mô tô biển số 47H1- 394.79.

Đối với khoản tiền 18.000.000đ mà ông Trần T đã trả cho ông Võ Minh S và bà Hồ Thị D. Tại phiên tòa ông T không yêu cầu bị cáo Ph phải hoàn lại số tiền trên nên không đề cập giải quyết.

[4.2] Về xử lý vật chứng:

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, trả lại: Xe mô tô biển số 47H1- 394.79, nhãn hiệu: Honda, hiệu Vision, màu S: Đỏ, cho chị Ngô Thị Thúy H, là chủ sở hữu nhận quản lý sử dụng.

- Trả lại 01 Giấy chứng minh nhân dân số 241376632, do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 26/9/2015 mang tên Trần Ph cho bị cáo Trần Ph do không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

[5] Đại diện VKSND thành phố Buôn Ma Thuột thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng đối với vụ án tương đối phù hợp nên HĐXX nên cần được chấp nhận. Đối với mức đề xuất về hình phạt đối với bị cáo có phần chưa phù hợp nên HĐXX cần điều chỉnh lại cho phù hợp.

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Trần Ph phải chịu án phí HSST.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm b, h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Ph phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Ph 01(một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 26/12/2020).

Các biện pháp tư pháp:

* Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc bồi bị cáo là ông Trần T đã bồi hoàn cho ông Võ Minh S và bà Hồ Thị D số tiền 18.000.000đ(mười tám triệu đồng) do ông S bà D cầm cố xe mô tô biển số 47H1- 394.79

* Về vật chứng:

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, trả lại: Xe mô tô biển số 47H1- 394.79, nhãn hiệu: Honda, hiệu Vision, màu sơn: Đỏ, cho chị Ngô Thị Thúy H, là chủ sở hữu nhận quản lý sử dụng.

- Trả lại 01 Giấy chứng minh nhân dân số 241376632, do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 26/9/2015 mang tên Trần Ph cho bị cáo Trần Ph do không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

Về án phí: Buộc bị cáo Trần Ph phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí HSST.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- TAND tối cao;
- VKS TP. BMT;
- Chi cục THA TP. B;
- Công an TP. BMT;
- VKS tỉnh Đắk Lắk;
- TA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu HS vụ án, VPCQ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền

